

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

TIẾNG TRUNG QUỐC 2

A. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

- 1. Tên môn học (tiếng Việt) : TIẾNG TRUNG QUỐC 2**
- 2. Tên môn học (tiếng Anh) : CHINESE 2**
- 3. Mã số môn học : CNL307**
- 4. Trình độ đào tạo : Đại học**
- 5. Ngành đào tạo áp dụng : Ngôn Ngữ Anh**
- 6. Số tín chỉ : 03**
 - Lý thuyết : 02 tín chỉ
 - Thảo luận và bài tập : 01 tín chỉ
 - Thực hành : 00
 - Khác (ghi cụ thể) : 00
- 7. Phân bổ thời gian : 45 tiết**
 - Tại giảng đường : 35 tiết
 - Tự học ở nhà : 90 giờ
 - Trực tuyến : 10 tiết
 - Khác (ghi cụ thể) : 00
- 8. Khoa quản lý môn học : Khoa Ngoại Ngữ**
- 9. Môn học trước : Tiếng Trung Quốc 1**
- 10. Mô tả môn học**

Môn học gồm 15 bài, mỗi bài được thiết kế với đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khóa, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp và bài tập. Thông qua việc giảng dạy và luyện tập trên lớp, giảng viên hướng dẫn và giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phát âm, nắm vững các kiến thức ngữ pháp cơ bản, xác định bộ, phân tích kết cấu chữ Hán và quy tắc bút thuận. Sau học phần này, sinh viên tích lũy được khoảng 150 từ vựng thuộc cấp độ HSK2.

11. Yêu cầu môn học

Sinh viên phải ôn tập bài cũ, hoàn thành tất cả các phần bài tập trong giáo trình và bài tập do giảng viên cung cấp, viết chữ Hán trong sách hướng dẫn viết chữ, chuẩn bị trước bài

mới theo yêu cầu của giảng viên, tích cực tham gia các bài tập nhóm và tham gia phát biểu xây dựng bài.

Đối với bất kỳ sự gian lận nào trong bài tập (cá nhân và nhóm) hay bài thi hoặc vi phạm các vấn đề về liêm chính học thuật, sinh viên phải chịu mọi hình thức kỷ luật theo quy định của Trường và của giảng viên.

12. Học liệu của môn học

12.1. Giáo trình

[1] Khương Lệ Bình (chủ biên), Nguyễn Thị Minh Hồng (biên dịch). (2016). *Giáo trình chuẩn HSK2*. TP. Hồ Chí Minh: NXB. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

12.2. Tài liệu tham khảo

[2] Khương Lệ Bình (chủ biên), Nguyễn Thị Minh Hồng (biên dịch). (2016). *Giáo trình chuẩn HSK2 (Sách Bài Tập)*. TP. Hồ Chí Minh: NXB. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

[3] Lưu Hón Vũ. (2020). *Hướng dẫn viết chữ Hán HSK2*. Hà Nội: NXB. Thanh niên.

B. PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

Các thành phần đánh giá môn học

Thành phần đánh giá	Phương thức đánh giá	Trọng số
A.1. Đánh giá quá trình	A.1.1. Chuyên cần	10%
	A.1.2. Kiểm tra giữa kỳ	20%
	A.1.3. Bài tập	20%
A.2. Đánh giá cuối kỳ	A.2.1. Thi cuối kỳ	50%

C. NỘI DUNG CHI TIẾT GIẢNG DẠY

Nội dung giảng dạy chi tiết
Bài 1: Nếu đi bắc kinh để du lịch thì tốt nhất là đi vào tháng chín
Bài 2: Hàng ngày tôi thức dậy lúc 6 giờ
Bài 3: Ly màu đỏ ở bên trái là của tôi
Bài 4: Ông ấy đã giới thiệu giúp tôi công việc này
Bài 5: Mua chiếc áo này đi
Bài 6: Sao anh không ăn nữa
Bài 7: Nhà chị có ở xa công ty không?
Bài 8: Để mình suy nghĩ rồi sẽ nói cho bạn biết
Bài 9: Câu hỏi quá nhiều nên mình không làm hết
Bài 10: Đừng tìm nữa, điện thoại di động ở trên bàn kia
Bài 11: Anh ấy lớn hơn mình ba tuổi
Bài 12: Anh mặc ít quần áo quá
Bài 13: Cửa đang mở
Bài 14: Cậu đã từng xem phim đó chưa
Bài 15: Năm mới sắp đến rồi